

Thị trường lao động Việt Nam giai đoạn hậu COVID-19 – Những vấn đề đặt ra

📍 PGS. TS. LƯU NGỌC TRỊNH

Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

TS. TRẦN THẾ TUÂN

Đại học Công nghệ Giao thông vận tải

● NGÀY NHẬN BÀI: 06/02/2023 ● NGÀY GỬI PHẢN BIỆN: 15/02/2023

● NGÀY DUYỆT ĐĂNG: 28/2/2023

Tóm tắt: Cho đến nửa đầu năm 2023, thị trường lao động (TTLĐ) Việt Nam vẫn trong xu hướng phục hồi khá trên nhiều chỉ tiêu, như lực lượng lao động, số người có việc làm và thu nhập bình quân tháng của người lao động tiếp tục tăng không những so với quý trước (quý IV/2022) mà còn so cả với cùng kỳ năm trước (quý I/2022). Tuy vậy, sắc màu tươi sáng và triển vọng lạc quan của TTLĐ, cả việc làm lẫn thu nhập bình quân, không phải diễn ra ở mọi ngành, mọi địa phương, mọi doanh nghiệp, mọi giới và mọi lứa tuổi. Để sự phục hồi đó thực sự bền vững và đáp ứng được những đòi hỏi của thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và thích ứng trước những biến động kinh tế, chính trị khó lường của thế giới, đòi hỏi phải có những giải pháp phù hợp, những nỗ lực to lớn và quyết tâm thực hiện của không chỉ Chính phủ mà cả các doanh nghiệp và người lao động, cả về nhận thức, lẫn các chính sách vi mô và vĩ mô hợp lý.

Từ khóa: Lao động, việc làm; thị trường lao động.

1. THỰC TRẠNG THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM ĐẦU NĂM 2023

Trong quý I năm 2023, TTLĐ Việt Nam tiếp tục duy trì đà phục hồi đã có từ năm 2022.

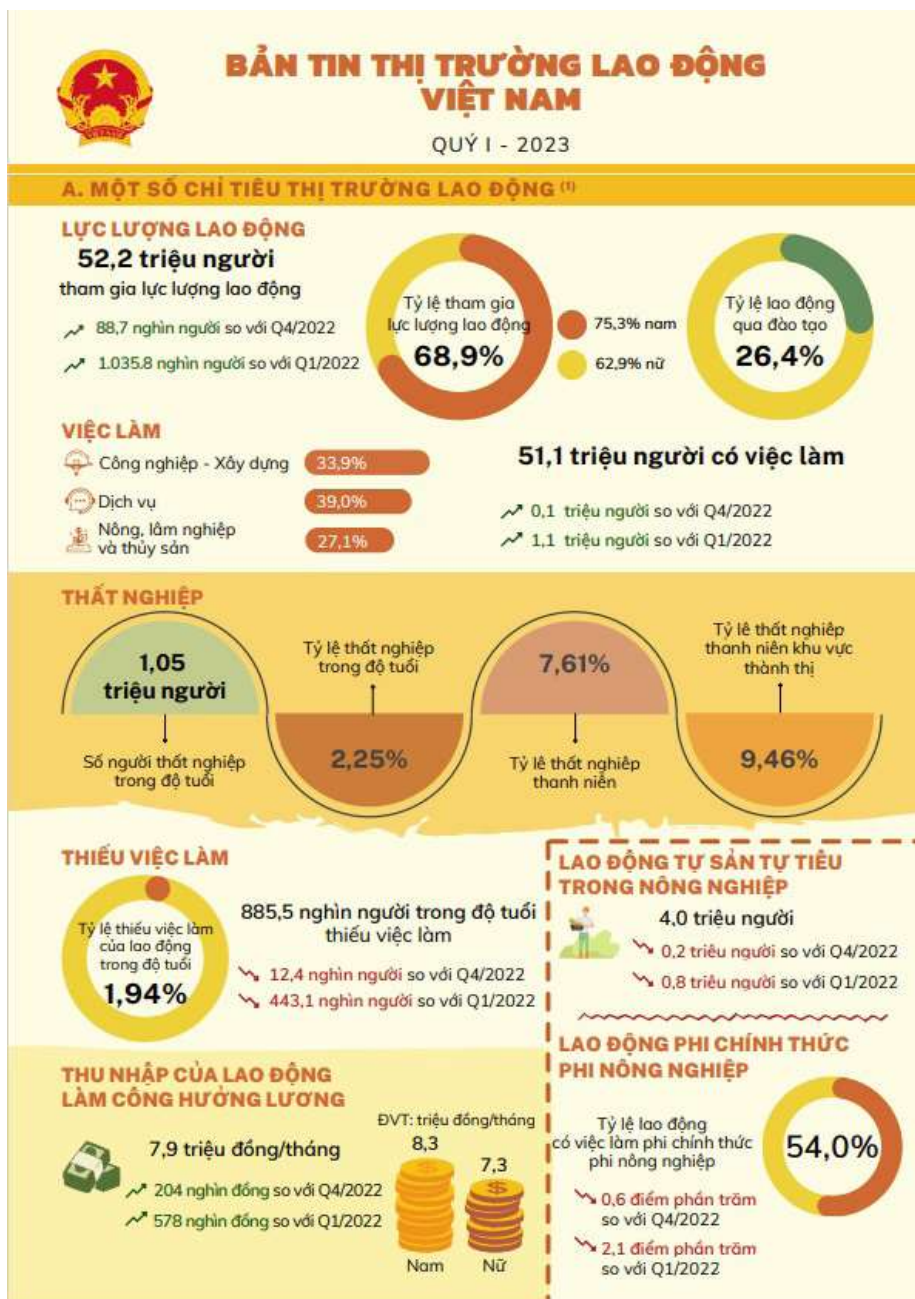
- *Lực lượng lao động* từ 15 tuổi trở lên trong quý I năm 2023 là 52,2 triệu người, tăng 88,7 nghìn người so với quý trước và tăng hơn 1,0 triệu người so với cùng kỳ năm

trước; số người từ 15 tuổi trở lên có việc làm là 51,1 triệu người, tăng 113,5 nghìn người so với quý trước và tăng 1,1 triệu người so với cùng kỳ năm trước.

Cụ thể, lao động trong khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn nhất với 39,0%, tương đương gần 20,0 triệu người, tiếp đến là lao động trong khu vực công nghiệp và xây dựng, chiếm 33,9%, tương đương 17,3

triệu người. Lao động trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng thấp nhất, 27,1%, tương đương 13,8 triệu người. So với quý trước và cùng kỳ năm trước, quy mô lao động trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đều giảm lần lượt là 285.600 người và 53.600 người; lao động

trong khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 360.900 người so với quý trước và tăng 566.900 người so với cùng kỳ năm trước; lao động trong ngành dịch vụ tăng 38.100 người so với quý trước và tăng 599.300 người so với cùng kỳ năm trước.



Hình 1. Một số chỉ tiêu cơ bản của TTLĐ Việt Nam đầu năm 2023

Nguồn: Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, 2023

- Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động quý I/2023 là 68,9%, không thay đổi so với quý trước và tăng 0,8 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của nữ giới là 62,9% và nam giới là 75,3%. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động khu vực thành thị là 65,2%, trong khi đó tỷ lệ này ở nông thôn là 71,3%.

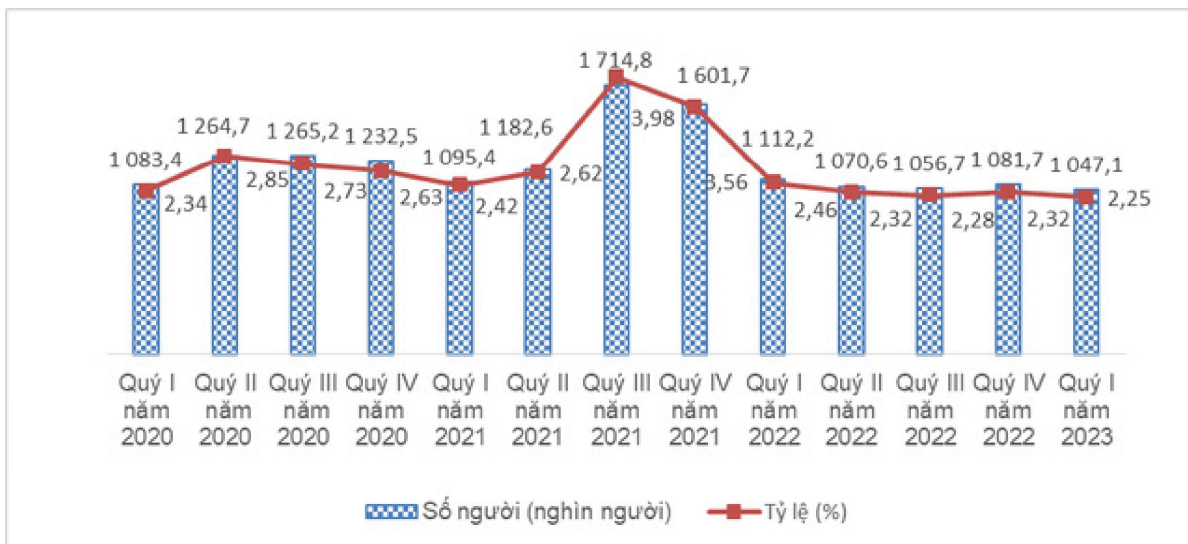
Xem xét theo nhóm tuổi, tỷ lệ tham gia lực lượng lao động ở khu vực thành thị thấp hơn khu vực nông thôn ở các nhóm tuổi rất trẻ và nhóm tuổi già, trong đó chênh lệch nhiều nhất được ghi nhận ở nhóm 55 tuổi trở lên (thành thị: 30,9%; nông thôn: 48,3%) và nhóm từ 15-24 tuổi (thành thị: 39,0%; nông thôn: 48,8%). Điều này cho thấy, người dân tại khu vực nông thôn gia nhập TTLĐ sớm hơn và rời bỏ thị trường muộn hơn khá nhiều so với khu vực thành thị (Minh Ngọc, 2023).

- Tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm trong độ tuổi lao động giảm so với quý trước và so với cả cùng kỳ năm trước.

Số người thất nghiệp trong độ tuổi lao động quý I năm 2023 là khoảng 1,05 triệu người, giảm 34,6 nghìn người so với quý trước và giảm 65,1 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động quý I năm 2023 là 2,25%, giảm 0,07 điểm phần trăm so với quý trước và giảm 0,21 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước.

Số người thiếu việc làm trong độ tuổi lao động quý I năm 2023 là khoảng 885,5 nghìn người, giảm 12,4 nghìn người so với quý trước và giảm 443,1 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi quý này là 1,94%, giảm 0,04 điểm phần trăm so với quý trước và giảm 1,07 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước, trong đó có sự khác nhau giữa khu vực thành thị (1,31%) và khu vực nông thôn (2,34%).

- Mặc dù TTLĐ quý I năm 2023 nhìn chung vẫn tiếp tục duy trì đà phục hồi, song thực tế lạc quan đó không phải diễn ra ở mọi ngành, mọi địa phương và mọi doanh nghiệp. Bởi vì vẫn còn nhiều doanh nghiệp



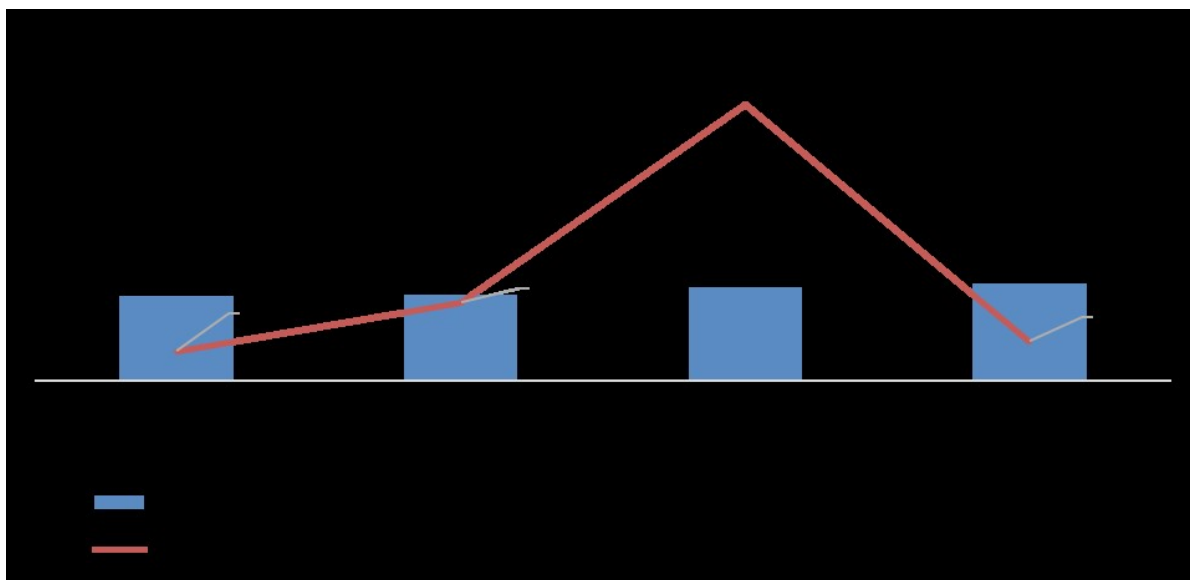
Hình 2. Số người và tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động theo quý, 2020 - 2023.

ở một số ngành thâm dụng lao động như dệt may - da giày; điện - điện tử, đồ gỗ,... buộc phải cắt giảm lao động do thiếu đơn hàng. Điều này đang và sẽ ảnh hưởng đến tình hình lao động, việc làm chung trong cả nước hiện nay và năm 2023. Cụ thể, số lao động nghỉ, giãn việc của các doanh nghiệp trên cả nước trong quý I năm nay là gần 294 nghìn người, giảm 2.000 người so với quý trước, trong đó đa số ở các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (chiếm 83,8%), tập trung chủ yếu ở ngành da giày với 44,2%, tiếp theo là dệt may với 18,8%; và chủ yếu tập trung ở một số tỉnh như: Bắc Giang (16 nghìn người), Hải Dương (9,8 nghìn người), Ninh Bình (19,7 nghìn người), Thanh Hóa (62,4 nghìn người), Nghệ An (12,6 nghìn người), Tây Ninh (khoảng 21,8 nghìn người), Bình Dương (khoảng 36,4 nghìn người), Đồng Nai (khoảng 35 nghìn người), TP. Hồ Chí Minh (khoảng 19,8 nghìn người), Tiền

Giang (khoảng 11,5 nghìn người), Vĩnh Long (khoảng 13,2 nghìn người),...

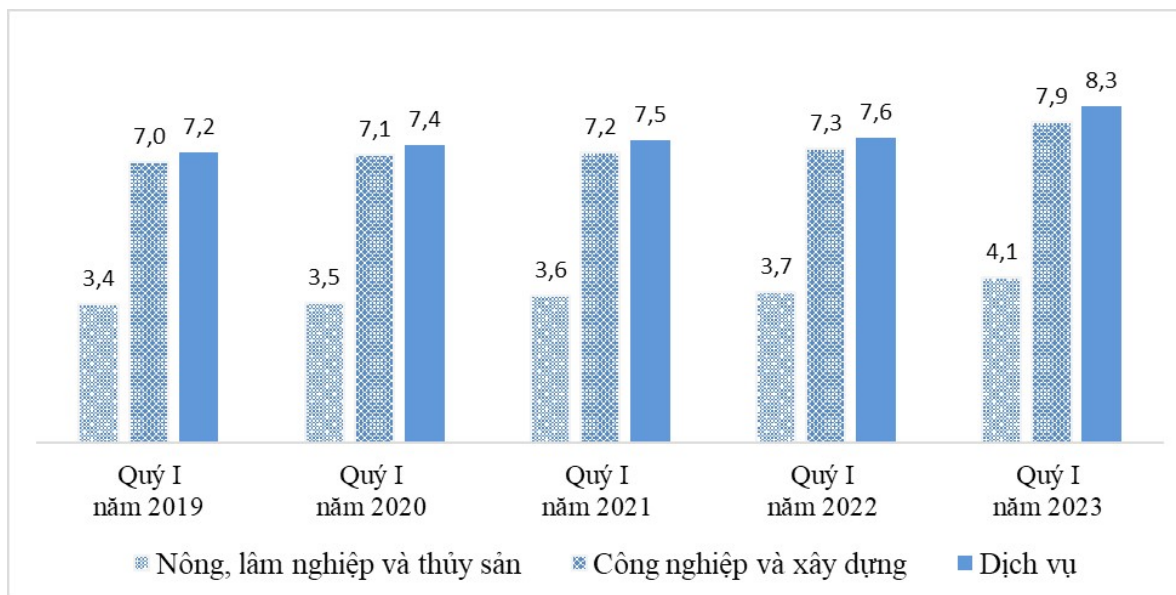
Cả nước có gần 118 nghìn lao động bị mất việc tại các doanh nghiệp trong quý IV/2022, sang quý I/2023, con số này không giảm đi mà tăng lên, với số lượng là gần 149 nghìn lao động bị mất việc, tức tăng thêm 26,3%. Trong đó, tập trung đa số (55,2%) ở các lao động thuộc các ngành dệt may, da giày, sản xuất linh kiện và sản phẩm điện tử (chiếm tỷ trọng tương ứng là 19,5%; 18,6% và 17,0%) và chủ yếu tập trung ở một số tỉnh có nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất như: Đồng Nai (khoảng gần 32,6 nghìn người), Bình Dương (khoảng gần 21,7 nghìn người), Bắc Ninh (14 nghìn người), Bắc Giang (khoảng 7,7 nghìn người)...

- Điều đáng lưu ý là trong quý I/2023, tỷ lệ thất nghiệp cao nhất thuộc về vùng đồng bằng sông Cửu Long với 2,64%, tương ứng với gần 220 nghìn người, tiếp theo là vùng



Hình 3. Thu nhập bình quân tháng và tốc độ tăng thu nhập bình quân tháng của người lao động so với quý trước, quý I, giai đoạn 2020-2023

Nguồn: Tổng cục Thống kê



Hình 4. Thu nhập bình quân tháng của người lao động theo khu vực kinh tế, quý I, giai đoạn 2019-2023

Đơn vị: Triệu đồng

Đông Nam Bộ với 2,63%, tương ứng với gần 263 nghìn người.

So với quý trước, tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động tăng lên ở hai vùng là đồng bằng sông Hồng, khi tăng 0,27 điểm phần trăm, tức tăng gần 30,2 nghìn người và vùng đồng bằng sông Cửu Long tăng 0,18 điểm phần trăm, tức tăng khoảng 17,5 nghìn người. Tỷ lệ này ở 4 vùng còn lại đều giảm so với quý trước, đặc biệt vùng Trung du và miền núi phía Bắc giảm nhiều nhất với 1,06 điểm phần trăm, tức giảm 62,2 nghìn người (An Nhi, 2023).

- Thị trường xuất khẩu lao động đầu năm 2023 đặc biệt khởi sắc với các con số tăng trưởng rất ấn tượng trên tất cả các địa bàn. Theo Cục quản lý lao động ngoài nước (Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội), trong 3 tháng đầu năm 2023, tổng số lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài là 37.923 lao động (12.872 lao động

nữ), đạt 34,48% kế hoạch năm 2023, (năm 2023, dự tính kế hoạch đưa lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng là 110.000 lao động) và gấp hơn 15 lần (15,45 lần) so với cùng kỳ năm trước (quý I/2022, tổng số lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài là 2.455 lao động). Trong đó, thị trường Nhật Bản 17.696 lao động (6.972 lao động nữ), Đài Loan 18.044 lao động (5.648 lao động nữ), Trung Quốc 517 lao động nam, Singapore 364 lao động nam, Hàn Quốc 278 lao động nam, Hungari 204 lao động (101 lao động nữ), Rumani 223 lao động, và các thị trường khác (Nhật Dương, 2023).

- Thu nhập bình quân tháng của người lao động, theo Tổng cục Thống kê, của quý I năm 2023 là 7,0 triệu đồng, tăng 197 nghìn đồng so với quý trước và tăng 640 nghìn đồng so với cùng kỳ năm trước. Như vậy, nhìn chung, thu nhập bình quân tháng của lao động đang có sự cải thiện

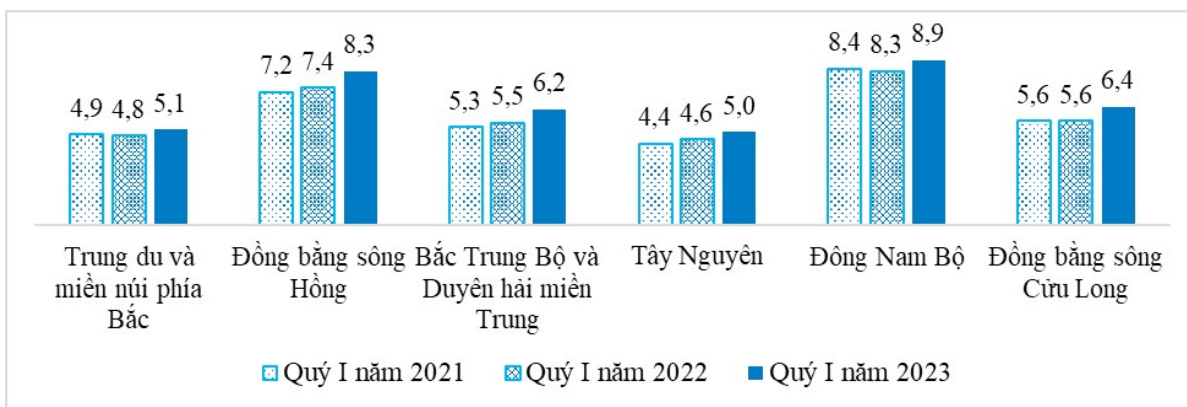
khá rõ, mặc dù không đều nhau giữa hai giới, khu vực, ngành và vùng miền. Cụ thể,

Thu nhập bình quân tháng của lao động nam cao gấp 1,36 lần thu nhập bình quân tháng của lao động nữ (8,0 triệu đồng so với 5,9 triệu đồng). Thu nhập bình quân của lao động ở khu vực thành thị cao gấp 1,41 lần khu vực nông thôn (8,6 triệu đồng so với 6,1 triệu đồng). Đáng chú ý, thu nhập bình quân của người lao động tăng ở cả ba khu vực kinh tế. Trong đó, khu vực dịch vụ có tốc độ tăng thu nhập cao nhất. So với cùng kỳ năm 2022, thu nhập bình quân tháng của lao động làm việc trong dịch vụ là 8,3 triệu đồng, tăng 10,1%, tức tăng 766.000 đồng. Lao động làm việc trong ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản có thu nhập bình quân là 4,1 triệu đồng, tăng 9,2%, tức tăng khoảng 345.000 đồng. Lao động làm việc trong khu vực công nghiệp và xây dựng là 7,9 triệu đồng, là khu vực có tốc độ tăng thấp nhất trong ba khu vực kinh tế, tăng 9,0%, tức tăng khoảng 655.000 đồng so với cùng kỳ năm trước.

Xét theo ngành kinh tế, một số ngành

có tốc độ tăng so với quý trước như ngành khai khoáng, lao động có thu nhập bình quân tháng là 10,3 triệu đồng, tăng 6,7%, tức tăng 640.000 đồng so với quý trước; lao động trong ngành bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy là 8,2 triệu đồng, tăng 3,8%, tức tăng 300.000 đồng so với quý trước; lao động trong ngành vận tải, kho bãi là 9,6 triệu đồng, tăng 2,7%, tức tăng 255.000 đồng so với quý trước.

Tuy vậy, sự gia tăng thu nhập của người lao động trong quý này không diễn ra ở tất các ngành kinh tế, mà vẫn có đôi ba điểm xám. Trong khi thu nhập bình quân của người lao động một số ngành kinh tế tăng, một số ngành kinh tế khác có sự sụt giảm thu nhập bình quân so với quý trước. Cụ thể, thu nhập bình quân của lao động ngành kinh doanh bất động sản là 10,5 triệu đồng, giảm 2,6%, tức giảm 275.000 đồng; thu nhập bình quân của lao động ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước là 9,8 triệu đồng, giảm 1,3%, tức giảm 125.000 đồng; ngành xây dựng, lao động có thu nhập bình quân là 7,8 triệu đồng, giảm khoảng 1,0%, tức



Hình 5. Thu nhập bình quân tháng của người lao động theo vùng kinh tế - xã hội quý I, giai đoạn 2021 - 2023

Đơn vị: Triệu đồng

giảm 41.000 đồng (Thu Hằng, 2023).

Xét về địa bàn, thu nhập bình quân của lao động lại có sự biến động ngược chiều nhau giữa các địa phương. Ở một số địa phương, nhất là những nơi tập trung nhiều khu chế xuất, khu công nghiệp như TP. Hồ Chí Minh, Bắc Ninh,... vẫn có sự sụt giảm. Cụ thể, quý I/2023, thu nhập bình quân của người lao động tại vùng Đông Nam Bộ là 8,9 triệu đồng, tăng 1,9% so với quý trước, tức tăng với tốc độ khá thấp so với các vùng còn lại, chỉ cao hơn một chút so với tốc độ tăng tại vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

Đặc biệt, một số địa phương có sự sụt giảm về thu nhập bình quân so với quý trước như tại TP. Hồ Chí Minh là 9,1 triệu đồng, giảm 1,4%, tức giảm là 127 nghìn đồng so với quý IV/2022; tại Bình Phước có thu nhập bình quân 6,8 triệu đồng, giảm 2,8%, tức giảm 197 nghìn đồng so với quý trước.

Trong khi đó, 2 vùng đồng bằng sông Hồng, vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung lại có mức thu nhập bình quân của người lao động tăng so với quý trước. Quý I/2023, lao động làm việc tại vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung có thu nhập bình quân là 6,2 triệu đồng, tăng 3,7% so với quý trước; lao động làm việc tại vùng đồng bằng sông Hồng có mức thu nhập bình quân là 8,3 triệu đồng, tăng 3,1% so với quý trước. Lao động làm việc tại Hà Nội có mức thu nhập bình quân là 9,7 triệu đồng, tăng 5,7%, tương ứng tăng 521 nghìn đồng so với quý trước. Tuy vậy, thu nhập bình quân của người lao động làm việc tại Bắc Ninh lại chỉ có 8,4 triệu đồng, giảm 2,3%, tức giảm 197 nghìn đồng; lao động làm việc tại Quảng Ninh có

mức thu nhập bình quân là 7,2 triệu đồng, giảm 3,2%, tức giảm 237 nghìn đồng.

2. MỘT SỐ YẾU TỐ CHỦ YẾU TÁC ĐỘNG ĐẾN THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM THỜI GIAN TỚI

Trong thời gian tới, TTLD, việc làm nước ta tiếp tục chịu tác động, ảnh hưởng trực tiếp của một số yếu tố sau:

- Từ quý IV/2022, và đặc biệt đầu năm 2023, tình hình kinh tế - chính trị thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, gây nguy cơ suy thoái trên toàn cầu. Nền kinh tế Việt Nam cũng không tránh khỏi những tác động tiêu cực. Thị trường có xu thế trầm lại so với những tháng trước đó. Tình trạng khó khăn đó sẽ tác động tiêu cực, làm chậm lại tốc độ tăng trưởng của kinh tế Việt Nam, một nền kinh tế phụ thuộc đáng kể vào thị trường thế giới (cả đầu vào lẫn đầu ra). Chi phí sản xuất tiếp tục tăng cao khi lạm phát phi mã ở các nước tác động trực tiếp tới giá thành nguyên, vật liệu nhập khẩu phục vụ sản xuất kinh doanh trong nước. Đồng thời, kinh tế thế giới, đặc biệt là các bạn hàng lớn (như Mỹ, Nhật Bản, EU,...) khó khăn, khiến các đơn hàng bị cắt hoặc không ký được, tác động

KINH TẾ THẾ GIỚI, ĐẶC BIỆT LÀ CÁC BẠN HÀNG LỚN (NHƯ MỸ, NHẬT BẢN, EU,...) KHÓ KHĂN, KHIẾN CÁC ĐƠN HÀNG BỊ CẮT HOẶC KHÔNG KÝ ĐƯỢC, TÁC ĐỘNG TRỰC TIẾP ĐẾN KINH TẾ VÀ DOANH NGHIỆP VIỆT NAM, ĐẶC BIỆT TRONG CÁC NGÀNH THÂM DỤNG LAO ĐỘNG NHƯ DỆT MAY, DA GIẤY, ĐỒ GỖ, VÀ CẢ LINH KIỆN VÀ SẢN PHẨM ĐIỆN TỬ,...

MẶC DÙ TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN VÀ TAY NGHỀ CỦA LAO ĐỘNG VIỆT NAM ĐÃ ĐƯỢC CẢI THIỆN, SONG VẪN CHẬM VÀ VẪN CÒN THẤP, KHÔNG THEO KỊP VỚI TRÌNH ĐỘ CÔNG NGHỆ NGÀY Càng ĐỔI MỚI.

trực tiếp đến kinh tế và doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt trong các ngành thâm dụng lao động như dệt may, da giày, đồ gỗ, và cả linh kiện và sản phẩm điện tử,...

- Trung Quốc đã chính thức chấm dứt chiến lược Zero Covid và mở cửa trở lại, điều đó có tác động hai mặt đến thị trường và kinh tế Việt Nam: (i) Tạo điều kiện cho Việt Nam có thể nhập khẩu được các yếu tố đầu vào (nguyên vật liệu) giá rẻ phục vụ sản xuất, (ii) Trung Quốc cũng sẽ là đối thủ cạnh tranh giành giật các đơn hàng của doanh nghiệp Việt Nam, vốn đang rất khó khăn.

- Mặc dù trình độ chuyên môn và tay nghề của lao động Việt Nam đã được cải thiện, song vẫn chậm và vẫn còn thấp, không theo kịp với trình độ công nghệ ngày càng đổi mới. Theo Tổng cục Thống kê, quý IV năm 2022, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ mới chỉ đạt 26,4%, tuy có cao hơn 0,1 điểm phần trăm so với quý trước và hơn 0,3 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước (Tổng cục thống kê, 2023). Hệ quả là, năng suất lao động và chất lượng sản phẩm làm ra của người lao động và doanh nghiệp còn thấp, không đáp ứng được các đơn hàng đòi hỏi sản phẩm làm ra phải có hàm lượng công nghệ và chất lượng ngày càng cao.

- Những tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19 vẫn còn dai dẳng cộng với những yêu cầu mới (cả tích cực lẫn tiêu cực) của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ tác động đa dạng đến nền kinh tế, đặc biệt TTLĐ Việt Nam, đòi hỏi cả Chính phủ, doanh nghiệp và người lao động phải có những chuẩn bị và thích ứng tích cực để tránh bị tụt hậu hoặc bị đẩy ra ngoài lề.

3. GIẢI PHÁP PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG

Để TTLĐ phục hồi và phát triển bền vững, đảm bảo cuộc sống cho người lao động, cần thực thi một số giải pháp chủ yếu sau (Mộc An, 2022 và TTTCTT, 2022):

Thứ nhất, nâng cao nhận thức về TTLĐ, tuân thủ các quy luật của kinh tế thị trường, coi lao động là hàng hóa đặc biệt để có cơ chế, chính sách phù hợp. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật đồng bộ, thống nhất để TTLĐ phát triển theo hướng linh hoạt, hiện đại, đầy đủ, bền vững, hiệu quả, hội nhập quốc tế, nhằm giải phóng triệt để sức sản xuất, tập trung phát triển lao động có kỹ năng, thúc đẩy tạo việc làm bền vững, có thu nhập cao.

Tiếp tục nội luật hóa và quy định cụ thể các tiêu chuẩn lao động phù hợp với điều kiện của Việt Nam và tiêu chuẩn quốc tế (các công ước của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới) mà Việt Nam cam kết và phê chuẩn. Thúc đẩy hợp tác quốc tế, tăng cường liên kết TTLĐ trong và ngoài nước.

Thứ hai, tiếp tục triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và người lao động, phát động các chương trình kích cầu nội địa, hỗ trợ xúc tiến thương mại, tìm

kiếm khai thác thị trường mới, đơn hàng mới cho doanh nghiệp. Cần có giải pháp hỗ trợ hiệu quả các doanh nghiệp thiếu vốn, giá nguyên liệu đầu vào tăng cao, khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm và một số ngành, lĩnh vực bị tác động bất lợi do nhu cầu của thị trường thế giới suy giảm như da giày, dệt may, điện - điện tử,...

- *Thứ ba*, tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, hấp dẫn, phù hợp với xu thế mới, có khả năng cạnh tranh khu vực, quốc tế với những cơ chế, chính sách thu hút mạnh mẽ các nguồn vốn đầu tư quốc tế và trong nước; hỗ trợ doanh nghiệp, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, nhanh chóng tiếp cận các hình thức sản xuất kinh doanh mới hiện đại, hiệu quả, phù hợp để đủ sức tham gia các chuỗi giá trị mới, mở rộng quan hệ đối tác gắn với mở rộng thị trường khi cấu trúc kinh tế thế giới có sự thay đổi, điều chỉnh. Từ đó, tạo cơ hội tăng việc làm cho người lao động.

- *Thứ tư*, đẩy mạnh thực hiện các giải pháp phát triển nguồn nhân lực, cả về cơ cấu lẫn chất lượng nhân lực (đặt biệt nhân lực chất lượng cao), đáp ứng yêu cầu phát triển của các ngành, lĩnh vực, yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, của công cuộc chuyển đổi số hiện nay; sắp xếp tổ chức, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, bảo đảm cung cấp đủ lao động có kỹ năng nghề đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo, đào tạo lại cho người lao động để duy trì việc làm. Trong chính sách hỗ trợ đào tạo, cần có hỗ trợ đào tạo đối với đối tượng là người lao động đang nghỉ việc hưởng trợ cấp thất nghiệp, hiện

chưa quay trở lại làm việc. Tập trung hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, đào tạo lại lao động đáp ứng yêu cầu mới; đẩy mạnh kết nối cung, cầu lao động trong nước, gắn với TTLĐ quốc tế.

- *Thứ năm*, chú trọng đầu tư cả về cơ chế, chính sách, nguồn lực để xây dựng hệ thống thông tin, nghiên cứu và dự báo TTLĐ đa tầng từ địa phương cấp tỉnh, cấp vùng tới toàn quốc, đa lĩnh vực theo ngành, nghề, có các cấp trình độ khác nhau. Hệ thống thông tin và dự báo hướng tới đối tượng người sử dụng là cơ quan quản lý nhà nước các cấp, doanh nghiệp và nhất là người lao động và người sử dụng lao động. Chính sách phải dựa trên cơ sở dữ liệu hiện tại và dự báo tương lai.

- *Thứ sáu*, cần quan tâm tới việc dịch chuyển lao động, việc làm theo yếu tố địa lý, địa bàn, đảm bảo phân bổ lao động, việc làm hợp lý trên toàn quốc; có cơ chế khuyến khích, hỗ trợ dịch chuyển lao động, hỗ trợ các địa bàn còn yếu kém; đẩy mạnh liên kết thị trường việc làm giữa các vùng trong nước, hình thành cơ chế kết nối cung cầu tự động giữa thị trường trong và ngoài nước.

- *Thứ bảy*, tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị TTLĐ phù hợp, từng bước hiện

Tiếp tục triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và người lao động, phát động các chương trình kích cầu nội địa, hỗ trợ xúc tiến thương mại, tìm kiếm khai thác thị trường mới, đơn hàng mới cho doanh nghiệp.

đại, minh bạch, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác, làm cơ sở xây dựng và tổ chức triển khai kịp thời, hiệu quả kết nối cung cầu lao động, việc làm, an sinh xã hội.

Trong bối cảnh hiện nay, với những giải pháp cơ bản đó cộng với việc điều hành kịp thời và linh hoạt của Chính phủ, sự nỗ lực cũng như quyết tâm của các doanh nghiệp và bản thân người lao động, năm 2023, TTLĐ sẽ có sự cải thiện bền vững hơn. Đồng thời, phải hết sức thận trọng trước những biến động khó lường kèm theo những tác động tiêu cực có thể có của tình hình kinh tế, chính trị thế giới và khu vực hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Mộc An, 2022, Loạt giải pháp phát triển TTLĐ bền vững, <https://dantri.com.vn/kinh-doanh/loat-giai-phap-phat-trien-thi-truong-lao-dong-ben-vung-20221217150742172.htm>, cập nhật ngày 17/12/2022
- Bộ LĐTB&XH, 2023, Bản tin TTLĐ Việt Nam Quý I/2023, <http://sba.vn/index.php?module=news&act=view&id=1072>, cập nhật ngày 25/04/2023
- Nhật Dương, 2023, Quý 1-2023: Xuất khẩu lao động tăng hơn 15 lần, <https://vneconomy.vn/quy-1-2023-xuat-khau-lao-dong-tang-hon-15-lan.htm>, cập nhật ngày 13/04/2023

- Thu Hằng, 2023, Lao động ngành bất động sản, điện, xây dựng sụt giảm thu nhập, <https://thanhnien.vn/lao-dong-nganh-bat-dong-san-dien-xay-dung-sut-giam-thu-nhap-185230406144502966>, cập nhật ngày 06/4/2023
- Minh Ngọc, 2023, TTLĐ việc làm duy trì đà phục hồi, <https://baochinhphu.vn/thi-truong-lao-dong-viec-lam-duy-tri-da-phuc-hoi-102230406122643099.htm>, cập nhật ngày 06/04/2023
- An Nhi, 2023, Quý I/2023, số lao động mất việc “không giảm mà tăng lên”, với gần 149 nghìn lao động, <https://kinhtevadubao.vn/quy-i-2023-so-lao-dong-mat-viec-khong-giam-ma-tang-len-voi-gan-149-nghin-lao-dong-25655.html>, cập nhật ngày 06/4/2023
- Tổng cục Thống kê, 2023, Một số nét chính tình hình kinh tế – xã hội quý I năm 2023, Hà Nội
- Nguyễn Trang (2022), TTLĐ 2022: Làm gì để doanh nghiệp “sống”, người lao động có việc làm? <https://vov.vn>
- TTTCTT, 2022, 9 nhóm giải pháp lớn để phát triển TTLĐ, <https://thitruongtaichinhthiente.vn/9-nhom-giai-phap-lon-de-phat-trien-thi-truong-lao-dong-41955.html>, Cập nhật ngày 21/8/2023

CHÚ TRỌNG ĐẦU TƯ CẢ VỀ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH, NGUỒN LỰC ĐỂ XÂY DỰNG HỆ THỐNG THÔNG TIN, NGHIÊN CỨU VÀ DỰ BÁO TTLĐ ĐA TẦNG TỪ ĐỊA PHƯƠNG CẤP TỈNH, CẤP VÙNG TỚI TOÀN QUỐC, ĐA LĨNH VỰC THEO NGÀNH, NGHỀ, CÓ CÁC CẤP TRÌNH ĐỘ KHÁC NHAU.